TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ- ST

Ngày 13/06/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nông Đình Đoài**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Bà Phan Thị Trúc Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày13 tháng 06 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Ngọc H,** sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: số 102, ấp Đ P, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**: Anh Văn Công T** sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: số 102, ấp Đ P, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị Ngọc H trình bày: tôi và anh Văn Công T chung sống với nhau vào ngày 16/8/2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/02/2013. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 36 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường có lời qua tiếng lại và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh T còn hăm dọa đánh tôi và đuổi tôi đi, anh không có trách nhiệm vợ con, tôi có khuyên anh nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Từ đó tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng có lối sống không phù hợp và vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đã sống ly thân với anh T từ tháng 04 năm 2016 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Văn Thiên P, sinh ngày 14/02/2013

2/ Văn Ngọc Thiên V, sinh ngày 03/5/2017

Hiện nay 02 cháu đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Văn Công T.

Về quan hệ con chung: tôi xin được nhận nuôi dưỡng 02 con, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn anh Văn Công T trình bày**: Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản cho anh Văn Công T theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Văn Công T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Văn Công T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Văn Công T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị H về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Văn Công T là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng thường có lời qua tiếng lại và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh T còn hăm dọa đánh chị H và đuổi chị H đi, anh không có trách nhiệm vợ con, chị H có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng có lối sống không phù hợp và vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đã sống ly thân với anh T từ tháng 04 năm 2016 cho đến nay. Vì vậy lời yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh T được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị H xin được nhận nuôi cháu Văn Thiên P, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Văn Ngọc Thiên V, sinh ngày 03/5/2017, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Văn Thiên P sinh ngày 14/02/2013 và cháu Văn Ngọc Thiên V, sinh ngày 03/5/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu V là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do hiện nay cháu Văn Thiên P 05 tuổi, cháu Văn Ngọc Thiên V 01 tuổi đang chung sống với chị H và 02 cháu đang được chị H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vì vậy giao cháu P và cháu V cho chị H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị H và anh T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007804 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Ngọc H và anh Văn Công T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Văn Thiên P, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Văn Ngọc Thiên V, sinh ngày 03/5/2017 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Ngọc H nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007804 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Trần Thị Ngọc H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Văn Công T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Đình Đoài